

Số: *342* /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *21* tháng *01* năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho Công ty cổ phần khai khoáng Nam Việt thuê đất để thực hiện dự án khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường, tại xã Thượng Đình, huyện Phú Bình (đợt 3)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 71/TTr-STNMT ngày 31 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất

1. Cho phép Công ty cổ phần khai khoáng Nam Việt được chuyển mục đích sử dụng với diện tích 23.531,3m² đất (do Công ty cổ phần khai khoáng Nam Việt nhận chuyển nhượng của các hộ gia đình, cá nhân có đất nằm trong dự án) sang đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (nhóm đất phi nông nghiệp).

2. Thu hồi diện tích 1.250,6m² đất giao thông, đất bằng chưa sử dụng do UBND xã Thượng Đình quản lý.

3. Cho Công ty cổ phần khai khoáng Nam Việt thuê diện tích 24.781,9m² đất, bao gồm: Diện tích chuyên mục đích tại khoản 1 và diện tích thu hồi tại khoản 2 nêu trên, để sử dụng vào mục đích khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường.

Vị trí ranh giới khu đất được xác định tại Bản đồ địa chính (trích lục) phục vụ công tác thu hồi, thuê đất đợt 3 dự án: Xây dựng công trình khai thác mỏ cát, sỏi khu vực Gò Lai và Bồng Lai, xã Thượng Đình vị trí thuộc tờ BĐDC số 23(15,16,54), 25(16) xã Thượng Đình, do Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 11/8/2023, được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 29/01/2024.

- Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 09/5/2028 (theo thời gian hoạt động của dự án đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 1149/GP-UBND ngày 09/5/2018).

4. Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, UBND huyện Phú Bình, UBND xã Thượng Đình, Công ty cổ phần khai khoáng Nam Việt theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện:

- Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa;
- Xác định đơn giá tiền thuê đất; thông báo cho Công ty cổ phần khai khoáng Nam Việt nộp tiền thuê đất, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (nếu có) theo quy định.
- Ký hợp đồng thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty cổ phần khai khoáng Nam Việt theo quy định;
- Chính lý hồ sơ địa chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phú Bình, Chủ tịch UBND xã Diềm Thụy, Công ty cổ phần khai khoáng Nam Việt và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CNNXD.

Thuat.QĐ/2024

Chua

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Tiên



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: *322* /QĐ-UBND ngày *21* tháng *02* năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Số TT	Số tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Ghi chú
I	Chuyển mục đích		23.531,3	
1	54	126	7.251,3	
2	54	124	428,0	
3	54	129	829,0	
4	54	130	68,8	
5	15	421	824,7	
6	15	422	72,0	
7	16	537	1.380,0	
8	16	538	300,0	
9	16	535	2.661,3	
10	16	539	708,0	
11	16	541	428,4	
12	16	543	290,0	
13	16	542	7.293,8	
14	16	544	996,0	
II	Thu hồi đất		1.250,6	
1	54	125	6,5	
2	54	127	32,6	
3	54	128	9,8	
4	16	536	16,0	
5	16	540	1.185,7	
Tổng cộng (I+II)			24.781,9	